BỆNH VIỆN QUẬN TÂN PHÚ
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHOA NỘI NHIỄM

(Áp dụng từ ngày 15/02/2023)

GIÁ TIỀN NGÀY GIƯỜNG CỦA KHOA NỘI TẠI BẢNG GIÁ NGÀY GIƯỜNG CHUNG MỤC KHOA NỘI

STT	TÊN DVKT (THEO PHIÊN TƯƠNG ĐƯƠNG)	GIÁ			GHI CHÚ
		BHYT (theo TT13)	Dịch vụ (theo TT14)	Dịch vụ theo yêu cầu /ngoài giờ	
1	Khám nội theo yêu cầu			120,000	
2	Điện tim thường	32,800	32,800	50,000	
3	Khí dung thuốc giãn phế quản	20,400	20,400		Chưa bao gồm thuốc khí dung
4	Đặt ống nội khí quản	568,000	568,000		
5	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	479,000	479,000		Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần
6	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	15,200	15,200		
7	Rửa bàng quang	198,000	198,000		Chưa bao gồm hóa chất
8	Đặt sonde bàng quang	90,100	90,100		
9	Đặt ống thông dạ dày	90,100	90,100		
10	Hút đờm hầu họng	11,100	11,100		
11	Thay băng [thay băng vt chiều dài < 15 cm (N)]	57,600	57,600		
12	Thay băng [thay băng vt chiều dài >15cm đến 30cm (N)]	82,400	82,400		
13	Thay băng [thay băng vt chiều dài từ 30cm đến < 50 cm (N)]	112,000	112,000		

STT	TÊN DVKT (THEO PHIÊN TƯƠNG ĐƯƠNG)	GIÁ			GHI CHÚ
		BHYT (theo TT13)	Dịch vụ (theo TT14)	Dịch vụ theo yêu cầu /ngoài giờ	
14	Thay băng [thay băng vt chiều dài < 30 cm (N)]	134,000	134,000		
15	Thay băng [thay băng vt chiều dài từ 30cm đến 50 cm nhiễm trùng (N)]	179,000	179,000		
16	Thay băng [thay băng vt chiều dài > 50 cm nhiễm trùng (N)]	240,000	240,000		
17	Theo dõi monitor [Nội]		50,000		
18	Thay băng bỏng (1 Lần)		50.000-100.000		
19	Chọc dịch màng bụng	137,000	137,000		
20	Chọc dò dịch màng phổi	137,000	137,000		
21	Chọc hút khí màng phổi	143,000	143,000		
22	Oxy I (<2 l/p)	1.080/giờ	1.080/giờ		
23	Oxy II (2-3 l/p)	1.620/giờ	1.620/giờ		
24	Oxy III (3-5 l/p)	2.700/giờ	2.700/giờ		
25	Oxy IV (5-7 l/p)	3.780/giờ	3.780/giờ		
26	Oxy V (>7 l/p)	4.860/giờ	4.860/giờ		
27	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	1,126,000	1,126,000		Chỉ áp dụng với trường hợp lọc máu
28	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	23,100	23,100		
29	Thông khí nhân tạo xâm nhập [giờ theo thực tế][NỘI]	559,000	559,000		
30	Thông khí nhân tạo không xâm nhập [giờ theo thực tế][NỘI]	559,000	559,000		